

Số: 959/QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 14 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư hướng dẫn số 45/2015/TT- BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Xét đề nghị của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tuy Phước tại Tờ trình số 35/TTr-NHCS ngày 12/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm (có Bảng tổng hợp kèm theo).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo đúng mục đích, nội dung đã nêu trong dự án. Đảm bảo vì mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trả nợ gốc và lãi đúng hạn và chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tuy Phước, Chủ tịch UBND xã Phước Thuận, xã Phước Nghĩa, xã Phước Lộc, xã Phước Sơn, xã Phước Thắng, TT Diêu Trì, TT Tuy Phước và ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

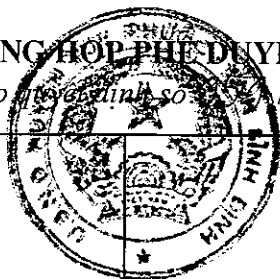


**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Tường

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC

TỔNG HỢP PHIÊN DUYỆT DỰ ÁN VAY VỐN TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM
(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2016 của UBND huyện Tuy Phước)



STT	Họ và tên người vay	Nơi cư trú của người vay	Họ tên người thực hiện dự án	Nơi thực hiện dự án	Vốn vay thực hiện dự án					Số lao động thực hiện dự án				
					Số tiền vay	Thời hạn cho vay (tháng)	Lãi suất cho vay (tháng)	Trả nợ gốc: tháng/lần	Trả lãi: tháng/lần	Tổng số	Số lao động được tạo việc làm	Lao động nữ (nếu có)	Lao động là người khuyết tật (nếu có)	Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có)
1	Huỳnh Thị Tuyết Hoa	Vinh Quang 2, Phước Sơn	Huỳnh Thị Tuyết Hoa	Vinh Quang 2, Phước Sơn	45	36	0,55	12	1	2	2	1		
2	Hồ Phi Long	Kỳ Sơn, Phước Sơn	Hồ Phi Long	Kỳ Sơn, Phước Sơn	20	36	0,55	12	1	1	1			
3	Phạm Thị Thanh	An Lợi, Phước Thắng	Phạm Thị Thanh	An Lợi, Phước Thắng	20	36	0,55	12	1	1	1	1		
4	Lương Thị Kim Cúc	An Lợi, Phước Thắng	Lương Thị Kim Cúc	An Lợi, Phước Thắng	20	36	0,55	12	1	1	1	1		
5	Phạm Hùng	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	Phạm Hùng	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	20	24	0,55	12	1	1	1			
6	Nguyễn Thị ánh Nguyệt	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	Nguyễn Thị ánh Nguyệt	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	20	36	0,55	12	1	1	1			
7	Phùng Thanh Tuấn	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	Phùng Thanh Tuấn	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	20	24	0,55	12	1	1	1			
8	Trần Thị Hoa Phượng	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	Trần Thị Hoa Phượng	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	20	36	0,55	12	1	1	1	1		
9	Trần Thị Sáu	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	Trần Thị Sáu	Trung Tín 1, TT Tuy Phước	20	12	0,55	12	1	1	1	1		
10	Nguyễn Thị Mỹ	Diêm Vân, Phước Thuận	Nguyễn Thị Mỹ	Diêm Vân, Phước Thuận	30	36	0,55	12	1	1	1	1		
11	Trần Thị Mẹo	Diêm Vân, Phước Thuận	Trần Thị Mẹo	Diêm Vân, Phước Thuận	30	36	0,55	12	1	1	1	1		
12	Nguyễn Thị Mười	Đại Tín, Phước Lộc	Nguyễn Thị Mười	Đại Tín, Phước Lộc	20	36	0,55	12	1	1	1	1		

S T T	Họ và tên người vay	Nơi cư trú của người vay	Họ tên người thực hiện dự án	Nơi thực hiện dự án	Vốn vay thực hiện dự án					Số lao động thực hiện dự án				
					Số tiền vay	Thời hạn cho vay (tháng)	Lãi suất cho vay (tháng)	Trả nợ gốc: tháng/ lần	Trả lãi: tháng / lần	Tổng số	Số lao động được tạo việc làm	Lao động nữ (nếu có)	Lao động là người khuyết tật (nếu có)	Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có)
13	Nguyễn Thị Thúy Phượng	Hanh Quang, Phước Lộc	Nguyễn Thị Thúy Phượng	Hanh Quang, Phước Lộc	15	36	0,55	12	1	1	1	1		
14	Nguyễn Thị Thanh Trinh	Vân Hội 2, TT Điều Trì	Nguyễn Thị Thanh Trinh	Vân Hội 2, TT Điều Trì	22	36	0,55	12	1	1	1	1		
15	Nguyễn Thị Nga	Luật Lễ, TT Điều Trì	Nguyễn Thị Nga	Luật Lễ, TT Điều Trì	20	36	0,55	12	1	1	1	1		
16	Trần Thị Hoa	Luật Lễ, TT Điều Trì	Trần Thị Hoa	Luật Lễ, TT Điều Trì	20	36	0,55	12	1	1	1	1		
17	Nguyễn Thị Hoa	Luật Lễ, TT Điều Trì	Nguyễn Thị Hoa	Luật Lễ, TT Điều Trì	10	36	0,55	12	1	1	1	1		
18	Trần Thị Kim Lành	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	Trần Thị Kim Lành	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	20	24	0,55	12	1	1	1	1		
19	Lê Thị Trúc	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	Lê Thị Trúc	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	20	24	0,55	12	1	1	1	1		
20	Nguyễn Thị Thu Hồng	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	Nguyễn Thị Thu Hồng	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	20	36	0,55	12	1	1	1	1		
21	Phạm Thị Mỹ Hòa	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	Phạm Thị Mỹ Hòa	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	20	24	0,55	12	1	1	1	1		
22	Đặng Thành Nhân	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	Đặng Thành Nhân	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	20	24	0,55	12	1	1	1	1		
23	Mai Thị Thành	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	Mai Thị Thành	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	20	24	0,55	12	1	1	1	1		
24	Nguyễn Thị Bích Phượng	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	Nguyễn Thị Bích Phượng	Huỳnh Mai, Phước Nghĩa	20	36	0,55	12	1	1	1	1		
	Tổng cộng				512		0,55	12	1	12	12	7	-	